

## Bài 6

### HỢP CHỨNG QUỐC HOA KÌ (tiếp theo)

#### Tiết 2. KINH TẾ

##### I - Quy mô nền kinh tế

Hoa Kỳ được thành lập năm 1776, nhưng đến năm 1890 nền kinh tế đã vượt qua Anh, Pháp để giữ vị trí đứng đầu thế giới cho đến ngày nay.

GDP bình quân theo đầu người năm 2004 là 39 739 USD.

*Dựa vào bảng 6.3, hãy so sánh GDP của Hoa Kỳ với thế giới và một số châu lục.*

BẢNG 6.3. GDP CỦA HOA KÌ  
VÀ MỘT SỐ CHÂU LỤC – NĂM 2004  
(Đơn vị : tỉ USD)

Toàn thế giới	40887,8
Hoa Kỳ	11667,5
Châu Âu	14146,7
Châu Á	10092,9
Châu Phi	790,3

##### II - CÁC NGÀNH KINH TẾ

###### 1. Dịch vụ

Khu vực dịch vụ phát triển mạnh với tỉ trọng trong GDP năm 1960 là 62,1%, năm 2004 là 79,4%.

###### a) Ngoại thương

Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu của Hoa Kỳ năm 2004 là 2344,2 tỉ USD, chiếm khoảng 12% tổng giá trị ngoại thương thế giới. Từ năm 1990 đến năm 2004, giá trị nhập siêu của Hoa Kỳ ngày càng lớn : năm 1990 nhập siêu 123,4 tỉ USD, năm 2004 nhập siêu 707,2 tỉ USD.

###### b) Giao thông vận tải

Hệ thống các loại đường và phương tiện vận tải của Hoa Kỳ hiện đại nhất thế giới. Hoa Kỳ có số sân bay nhiều nhất thế giới với khoảng 30 hãng hàng không lớn hoạt động, vận chuyển 1/3 tổng số hành khách trên thế giới. Năm 2004, Hoa Kỳ có tới 6,43 triệu km đường ô tô và 226,6 nghìn km đường sắt. Ngoài ra vận tải biển và vận tải đường ống cũng rất phát triển.



Hình 6.4. Một góc thành phố Lốt An-giơ-lét

*c) Các ngành tài chính, thông tin liên lạc, du lịch*

Năm 2002, Hoa Kỳ có hơn 600 nghìn tổ chức ngân hàng, tài chính thu hút khoảng 7 triệu lao động. Ngành ngân hàng và tài chính hoạt động khắp thế giới, đang tạo ra nguồn thu lớn và nhiều lợi thế cho kinh tế Hoa Kỳ.

Thông tin liên lạc của Hoa Kỳ rất hiện đại. Hoa Kỳ có nhiều vệ tinh và thiết lập hệ thống định vị toàn cầu (GPS) cung cấp dịch vụ viễn thông cho nhiều nước trên thế giới.

Ngành du lịch của Hoa Kỳ phát triển mạnh. Năm 2004 có 1,4 tỉ lượt khách đi du lịch trong nước và hơn 46 triệu lượt khách nước ngoài đến Hoa Kỳ. Doanh thu du lịch (từ khách quốc tế) năm 2004 là 74,5 tỉ USD.

## 2. Công nghiệp

Công nghiệp là ngành tạo nguồn hàng xuất khẩu chủ yếu của Hoa Kỳ. Tuy nhiên, tỉ trọng giá trị sản lượng công nghiệp trong GDP có xu hướng giảm : năm 1960 là 33,9%, năm 2004 là 19,7%. Sản xuất công nghiệp của Hoa Kỳ gồm ba nhóm ngành :

– Công nghiệp chế biến chiếm 84,2% giá trị hàng xuất khẩu của cả nước và thu hút trên 40 triệu lao động (năm 2004).

– Công nghiệp điện lực gồm nhiệt điện, điện nguyên tử, thủy điện và các loại khác như : điện địa nhiệt, điện từ gió, điện mặt trời...

– Công nghiệp khai khoáng đứng đầu thế giới về khai thác phốt phát, molybden ; thứ hai về vàng, bạc, đồng, chì, than đá và thứ ba về dầu mỏ.

BẢNG 6.4. SẢN LƯỢNG MỘT SỐ SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP HOA KÌ, NĂM 2004

Sản phẩm	Sản lượng	Xếp hạng trên thế giới
Than đá (triệu tấn)	1069	2
Dầu thô (triệu tấn)	437	3
Khí tự nhiên (tỉ m <sup>3</sup> )	531	2
Điện (tỉ kWh)	3979	1
Nhôm (triệu tấn)	2,5	4
Ô tô các loại (triệu chiếc)	16,8	1

Cơ cấu giá trị sản lượng giữa các ngành công nghiệp có sự thay đổi : giảm tỉ trọng của các ngành công nghiệp : luyện kim, dệt, gia công đồ nhựa,... tăng tỉ trọng của các ngành công nghiệp : hàng không – vũ trụ, điện tử,...

Trước đây, sản xuất công nghiệp tập trung chủ yếu ở vùng Đông Bắc với các ngành công nghiệp truyền thống như luyện kim, chế tạo ô-tô, đóng tàu, hoá chất, dệt... Hiện nay, sản xuất công nghiệp mở rộng xuống vùng phía Nam và ven Thái Bình Dương với các ngành công nghiệp hiện đại như hoá dầu, công nghiệp hàng không – vũ trụ, cơ khí, điện tử, viễn thông...

### 3. Nông nghiệp

Hoa Kỳ có nền nông nghiệp đứng hàng đầu thế giới. Giá trị sản lượng của nông nghiệp năm 2004 là 105 tỉ USD, chiếm 0,9% GDP.

Cơ cấu nông nghiệp có sự chuyển dịch : giảm tỉ trọng hoạt động thuần nông và tăng tỉ trọng dịch vụ nông nghiệp trong giá trị sản lượng toàn ngành nông nghiệp.

Phân bố sản xuất nông nghiệp ở Hoa Kỳ đã thay đổi theo hướng đa dạng hoá nông sản trên cùng một lãnh thổ. Các vành đai chuyên canh trước kia



Hình 6.5. Sử dụng phương tiện hiện đại trong sản xuất nông nghiệp ở Hoa Kỳ

nư : vành đai rau, vành đai lúa mì, vành đai nuôi bò sữa,... đã chuyển thành các vùng sản xuất nhiều loại nông sản hàng hoá theo mùa vụ.

Hình thức tổ chức sản xuất chủ yếu trong nông nghiệp là các trang trại. Số lượng các trang trại có xu hướng giảm, nhưng diện tích bình quân mỗi trang trại lại tăng. Năm 1935 có 6,8 triệu trang trại với diện tích bình quân là 63 ha, đến năm 2000 chỉ còn hơn 2,1 triệu trang trại nhưng diện tích trung bình mỗi trang trại lại là 176 ha.

Nền nông nghiệp hàng hoá được hình thành sớm và phát triển mạnh.

Hoa Kỳ là nước xuất khẩu nông sản lớn nhất thế giới. Hằng năm, xuất khẩu trung bình khoảng 10 triệu tấn lúa mì, 61 triệu tấn ngô, 17 -18 triệu tấn đỗ tương... Giá trị xuất khẩu khoảng 20 tỉ USD. Ngoài ra, nông nghiệp còn cung cấp nguồn nguyên liệu dồi dào cho công nghiệp chế biến.



Hình 6.6. Phân bố các vùng sản xuất nông nghiệp chính của Hoa Kỳ

Dựa vào hình 6.6, hãy trình bày sự phân bố các vùng sản xuất nông nghiệp chính của Hoa Kỳ.

### Câu hỏi

1. Dựa vào bảng 6.3, vẽ biểu đồ so sánh GDP của Hoa Kỳ với thế giới và một số châu lục.
2. Nhận xét xu hướng chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp và giải thích nguyên nhân.
3. Trình bày những nguyên nhân ảnh hưởng đến sự phân hoá lãnh thổ sản xuất nông nghiệp của Hoa Kỳ.